

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM -PT

Ngày: 16-8-2024

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Ông Bùi Minh Thư

Ông Hồ Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Giang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X (E); Địa chỉ: Tầng H, văn phòng số L + 16 Tòa nhà V, số G L, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của E: Công ty TNHH MTV Q1 và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP X.

Địa chỉ: Số B T, phường V, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng D và bà Cao Thị Kim A; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà T, số D Đại lộ L, tỉnh Nghệ An – có mặt

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ1; Địa chỉ: Xứ Đ, xã K, huyện K, Hà Tĩnh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hà Thị Thu H, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty – vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn T, chức vụ: Phó giám đốc Công ty – có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hà Thị Thu H, địa chỉ: Số nhà B tổ B ngách A đường H, phường N, quận C, TP Hà Nội – vắng mặt

+ Ông Hà Văn H1; địa chỉ: Số nhà B tổ B phố P, phường N, quận C, TP Hà Nội- vắng mặt

+ Bà Bùi Thị Bạch Đ; địa chỉ: Số nhà B tổ B phố P, phường N, quận C, TP Hà Nội – vắng mặt

4. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần Đ2

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án ngân hàng thương mại cổ phần X (gọi tắt Ngân hàng E) trình bày:

Ngân hàng E đã ký với Công ty Cổ phần Đ1 (gọi tắt Công ty Đ1) các Hợp đồng tín dụng sau đây

- Ngày 08/05/2009, ngân hàng E ký hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-200900415 cho Công ty Đ1 vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích: Mua máy móc thiết bị. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ngân hàng E đã giải ngân và Công ty Đ1 đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 200900489 ngày 08/05/2009: Số tiền vay: 3.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc: Được chia thành 10 kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ gồm 06 tháng; lịch trả lãi: Vào ngày 15 hàng tháng; lãi suất vay: 0.875%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay/tháng.

- Ngày 17/06/2009, ngân hàng E ký hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-200900533; Phụ lục số 02 ngày 28/07/2009, Phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 04/03/2010 cho Công ty Đ1 vay số tiền 14.000.000.000 đồng (Mười bốn tỷ đồng), mục đích: Mua máy móc thiết bị. Thực hiện Hợp đồng trên, E đã giải ngân và Công ty Đ1 đã nhận nợ theo 02 Khế ước nhận nợ gồm:

+ Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 - LDS - 200900721 ngày 29/07/2009: Số tiền vay: 6.200.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc: Được chia thành 05 kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ gồm 12 tháng; lịch trả lãi: Vào ngày 04 hàng tháng; lãi suất vay: 0.875%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay/tháng.

+ Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 - LDS - 200900616 ngày 17/06/2009: Số tiền vay: 7.800.000.000 đồng; Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị; thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc được chia thành 05 kỳ trả nợ gốc, mỗi kỳ gồm 12 tháng; lịch trả lãi: Vào ngày 10 hàng tháng; lãi suất vay: 0.875%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay/tháng.

- Ngày 25/11/2010, ngân hàng E ký hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 cho Công ty Đ1 vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), mục đích:

Bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền vận chuyển đá theo Hợp đồng kinh tế số 02/HĐVC ngày 10/8/2010 của Công ty CP T2. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, ngân hàng E đã giải ngân và Công ty Đ1 đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 201001385 ngày 25/11/2010, cụ thể: Số tiền vay: 300.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán tiền vận chuyển đá; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc: Cuối kỳ; Lịch trả lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất vay: 20%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

- Ngày 09/09/2010, ngân hàng E ký hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 cho Công ty Đ1 vay số tiền 1.300.000.000 đồng, mục đích: Bổ sung vốn lưu động đơn vị. Thực hiện hợp đồng tín dụng trên, E đã giải ngân và Công ty Đ1 đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201000910 ngày 09/09/2010, cụ thể: Số tiền vay: 1.300.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc; cuối kỳ; Lịch trả lãi: Vào ngày 09 hàng tháng, lãi suất vay: 1.25%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

- Ngày 29/08/2011, ngân hàng E ký hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 cho Công ty Đ1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ SXKD khai thác mỏ đá. Thực hiện hợp đồng trên, ngân hàng E đã giải ngân và Công ty Đ1 đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kèm Khế ước nhận nợ số 1602- LDS -201101517 ngày 29/08/2011, cụ thể: Số tiền vay : 1.500.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh khai thác mỏ; thời hạn vay : 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lịch trả gốc : Trả một lần khi đáo hạn khoản vay; lịch trả lãi: Vào ngày 15 hàng tháng; lãi suất vay: 22%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay.

Về Tài sản bảo đảm đối với các khoản vay như sau:

- Khoản vay tại hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-200900415 ngày 08/05/2009 được bảo đảm bằng các tài sản: 01 máy đào bánh xích mang biển số 38 XA -0042, nhãn hiệu HITACHI, số khung 151 - 8211, số động cơ 6SD1 - 504741, công suất 162KW và 01 máy đào bánh xích mang biển số 38XA - 0041, nhãn hiệu HITACHI, số khung 159 -4319, số động cơ EP100T18130, công suất 154KW. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00140/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 07/05/2009, công chứng tại Phòng C - Nghệ An, số công chứng: 383 quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 25/05/2009.

- Khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-200900533 ngày 17/06/2009 được đảm bảo bằng:

+ Dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty Đ1. Theo Hợp đồng thế chấp số 000197/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 08/09/2009, công chứng tại Văn phòng C1, Nghệ An, số công chứng:

1205/VPCCV quyền số: 02/VPCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 30/09/2010.

+ Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ 37161859, công suất 305KW theo GCN đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, số 0119 XMCD và số 0121 XMCD do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 27/07/2008. Hợp đồng thế chấp tài sản số 00176/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 28/07/2009, công chứng tại Văn phòng C1, Nghệ An, số công chứng: 759 quyền số: 01/VPCC/HĐGD và đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/07/2009.

- Khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010 và khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 được bảo đảm bằng tài sản: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Hà Văn H1, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải; giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Hà Thị Thu H tại số B phường N, quận C, Hà Nội, chứng nhận quyền sử dụng đất số 10113012703 số thửa 80 (18), số tờ bản đồ 28. Việc thế chấp tài sản được thực hiện theo các hợp đồng thế chấp số: Hợp đồng thế chấp số 00176/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 28 tháng 7 năm 2009, hợp đồng thế chấp số 00199/EIBV - TD/BĐTS/10 ngày 19 tháng 7 năm 2010, hợp đồng thế chấp số 00172/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 15 tháng 7 năm 2009, hợp đồng thế chấp số 00159/EIBV - TD/BĐTS/07 ngày 15 tháng 6 năm 2009; hợp đồng thế chấp số 00045/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 20 tháng 02 năm 2009; hợp đồng thế chấp số 00140/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 07 tháng 5 năm 2010; hợp đồng thế chấp số 00299/EIBV - TD/BĐTS/10 ngày 07 tháng 9 năm 2010.

- Khoản vay Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011 được bảo đảm bằng các tài sản: Dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h, 03 máy đào bánh xích hiệu HITACHI, CATERPILLAR, KAWASAKI; 02 máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất; 01 xe mô tô con nhãn hiệu BMW X6, BKS 30S - 5078, màu xanh, sản xuất năm 2008; 01 bất động sản của bà Hà Thị Thu H có diện tích 44m² tại phường N, Cầu G, Hà Nội. Ngoài các tài sản nêu trên Công ty Đ1 cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản bảo đảm cho nợ vay tại E trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn, tiền phạt, các phí khác phát sinh cho Ngân hàng. Việc thế chấp tài sản được thực hiện theo các hợp đồng thế chấp số: Hợp đồng thế chấp số 00159/EIBV - TD/BĐTS/07 ngày 15 tháng 6 năm 2009; hợp đồng thế chấp số 00176/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 28 tháng 7 năm 2009, hợp đồng thế chấp số 00140/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 07 tháng 5 năm 2010; hợp đồng thế chấp số 00172/EIBV - TD/BĐTS/09 ngày 15 tháng 7 năm 2009, hợp đồng thế chấp số 00199/EIBV - TD/BĐTS/10 ngày 19 tháng 7 năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng E đã giải chấp một số tài sản, nên hiện nay các tài sản còn thế chấp tại ngân hàng gồm:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do UBND quận C, TP. cấp ngày 11/08/2003 mang tên bà Hà Thị Thu H. Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00199/EIBV – TD/BĐTS/10 ngày 19/07/2010, công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội, số công chứng 002136, quyển số 22, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C ngày 21/07/2010. Tài sản trên là tài sản của bà Hà Thị Thu H dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X, theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010, khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011

- Hai (02) máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD và số 0114 XMCD biển số 38XA – 0042 do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 04/05/2009 đứng tên Công ty Đ1.

- Dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty Đ1.

- Ba (03) máy móc gồm: Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ 37161859, công suất 305KW theo GCN đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, số 0119 XMCD và số 0121 XMCD do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 27/07/2008.

Tuy nhiên qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì tình trạng của các tài sản do Công ty Đ1 thế chấp tại ngân hàng E là:

+ Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do UBND quận C, TP. cấp ngày 11/08/2003 đứng tên bà Hà Thị Thu H, có diện tích hiện trạng là 53,8m² và nhà có 05 tầng, hiện có bà Hà Thị Thu H, ông Hà Văn H1 và bà Bùi Thị Bạch Đ đang ở. Quá trình xác minh, UBND phường N xác nhận việc thừa đất trên hiện chưa có tranh chấp.

+ Các tài sản được bảo quản tại mỏ đá T thuộc xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh gồm: 01 máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số số 0114 XMCD, biển số 38XA – 0042; 01 dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h; 01 máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI. 01 máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASSAKI, biển số 38LA -0046

+ Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI mang biển số 38XA-0041 có theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD đã bị chiếm đoạt nên Công ty không cung cấp được địa chỉ;

+ Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI mang biển số 38XA-0045 hiện đang được bảo quản tại số B, hẻm B, đường B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Hiện Công ty đang thuê anh H2, số điện thoại 034.5266.377, bảo quản.

- Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW hiện đang nằm ở ngã tư vòng xuyên xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Đ1 đã thanh toán cho E số tiền: 13.777.863.635 đồng (nợ gốc: 8.601.100.000 đồng, lãi: 5.176.763.635 đồng). Công ty Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng E đã nhiều lần làm việc yêu cầu Công ty Đ1 và chủ tài sản bảo đảm trả nợ nhưng Công ty Đ1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho E.

Vì vậy, ngân hàng E yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty CP Đ1 thanh toán cho E toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 22 tháng 03 năm 2024 là 43.455.205.638 đồng (nợ gốc: 11.498.900.000 đồng, lãi trong hạn: 4.127.633.448

đồng, lãi quá hạn: 27.828.672.190 đồng). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 22 tháng 03 năm 2024 cho đến khi Công ty Đ1 thanh toán xong nợ cho E theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp Công ty Đ1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ cho ngân hàng E: Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phường N, quận C, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ.UB/2003 do UBND quận C, Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/08/2003 đứng tên bà Hà Thị Thu H theo Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00199/EIBV – TD/BĐTS/10 ngày 19/07/2010; hai (02) máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD và số 0114 XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 04/05/2009 đứng tên Công ty CP Đ1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00140/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 07/05/2009; dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty Đ1 theo Hợp đồng thế chấp số 000197/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 08/09/2009; ba (03) máy móc gồm: Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ

37161859, công suất 305KW theo iấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, 0119 XMCD và 0121 XMCD do **sở giao thông vận tải tỉnh H** cấp ngày 27/07/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00176/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 28/07/2009. Nếu phát mãi các tài sản bảo đảm trên không thu hồi đủ nợ thì **Công Trường T1** có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho **E** đến khi trả nợ xong.

*Tại các bản tự khai, đơn trình bày ý kiến người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà **Hà Thị Thu H** trình bày:*

Quá trình hoạt động, **Công ty cổ phần Đ1** có ký kết với **Ngân hàng thương mại cổ phần X** các hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện của **Ngân hàng TMCP X** trình bày.

Tuy nhiên, việc **ngân hàng E** trình bày đã nhiều lần làm việc và yêu cầu **Công ty Đ1** và chủ tài sản đảm bảo trả nợ nhưng **Công ty Đ1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng E** là không đúng. **Công ty Đ1** luôn có ý thức và trách nhiệm về khoản dư nợ vay tín dụng quá hạn tại **E - CN V**, qua nhiều buổi làm việc tại Ngân hàng và đã có ý kiến đề xuất phương án trả nợ. Tuy nhiên ngân hàng không có ý kiến phản hồi cho **Công ty Đ1**. Do đó, **Công ty Cổ phần Đ1** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của **E**, bởi tiền lãi phát sinh **ngân hàng E** tính báo nợ và yêu cầu **Công ty Đ1** phải trả nợ là không đúng. Ngoài ra, một số tài sản là máy móc thiết bị xuống cấp theo thời gian so với thời điểm **Công ty Đ1** xin đánh giá giá trị để thực hiện thanh toán cho Ngân hàng dẫn đến ảnh hưởng tới giá trị thu hồi vốn. Đề nghị Toà án xem xét lại việc ngân hàng khởi kiện **Công ty Đ1** khi Công ty đã làm việc với **ngân hàng E** từ năm 2015 để yêu cầu đánh giá giá trị tài sản để xử lý nợ nhưng ngân hàng không có ý kiến phản hồi.

Tại Bản án số 01/2024/DS-ST ngày 22-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ quy định tại Điều 317, 318, 319, 320, 321, , 322, 323, Điều 342, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351, Điều 355, các điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp Luật về lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP X**.

Buộc Công ty cổ phần Đ1 phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 22 tháng 03 năm 2024) là 43.455.205.638 đồng (nợ gốc: 11.498.900.000 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn: 4.127.633.448 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 27.828.672.190 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22 tháng 03 năm 2024) cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần Đ1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về xử lý tài sản chế chấp:

Trường hợp Công ty Đ1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì phát mãi các tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ cho E:

Hai (02) máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD và số 0114 XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 04/05/2009 đứng tên Công ty CP Đ1 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00140/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 07/05/2009; dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty Đ1 theo Hợp đồng thế chấp số 000197/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 08/09/2009; ba (03) máy móc gồm: Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ 37161859, công suất 305KW theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, 0119 XMCD và 0121 XMCD do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 27/07/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00176/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 28/07/2009.

Đối với Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do UBND quận C, Tp . cấp ngày 11/08/2003 đứng tên bà Hà Thị Thu H. Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00199/EIBV – TD/BĐTS/10 ngày 19/07/2010, công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội, số công chứng 002136, quyển số 22, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C ngày 21/07/2010. Tài sản trên là tài sản của bà Hà Thị Thu H dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X, theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày

25/11/2010, khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011.

Công ty cổ phần Đ1, bà **Hà Thị Thu H** được ưu tiên mua tài sản phát mại trên nếu có nhu cầu.

Đối với máy đào bánh xích, hiệu HITACHI mang biển số 38XA-0041 có theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD, **Công ty cổ phần Đ1** phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản. Trường hợp **công ty cổ phần Đ1** và Ngân hàng không thoả thuận được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện phát mại tài sản theo quy định.

Nếu phát mại các tài sản bảo đảm trên không thu hồi đủ nợ thì **Công ty cổ phần Đ1** có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho **E** đến khi trả nợ xong.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc **Công ty cổ phần Đ1** phải trả lại cho **Ngân hàng TMCP X** 3.000.000 đồng là số tiền chi phí xem xét, thẩm định mà **Ngân hàng TMCP X** đã nộp tại ứng.

4. Về án phí: Buộc **Công ty cổ phần Đ1** phải nộp 151.271.000 đ (*một trăm năm mươi một triệu hai trăm bảy một nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP X** số tiền 72.512.221 đồng (*Bằng chữ: bảy mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005376 ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn **Công ty Cổ phần Đ1** kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 22/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn **Công ty Cổ phần Đ3**, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 22/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ kiện là tranh chấp Hợp đồng tín dụng và bị đơn có trụ sở tại **xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh**. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc, không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là có cơ sở.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1]. Căn cứ các Hợp đồng tín dụng (Viết tắt HĐTD) gồm: HĐTD số 1602-LAV-200900415 ngày 08/05/2009, HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 200900489 ngày 08/05/2009; HĐTD số 1602-LAV-200900533 ngày 17/06/2009, HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 - LDS - 200900721 ngày 29/07/2009; HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 - LDS - 200900616 ngày 17/06/2009, HĐTD số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010, HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 201001385 ngày 25/11/2010, HĐTD số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010, HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 201000910 ngày 09/09/2010; HĐTD số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011, HĐTD kiêm Khế ước nhận nợ số 1602 – LDS – 201101517 ngày 29/08/2011 thể hiện **Công ty Đ1** đã thực hiện vay vốn tại **ngân hàng E** với số tiền gốc 20.100.000.000đồng. Các khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản thế chấp của **Công ty Đ1** như đã nêu ở trên.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng: **Ngân hàng TMCP X** đã giải ngân cho **Công ty Cổ phần Đ1** theo đúng các khế ước nhận nợ như ngân hàng đã giao nộp, tổng số tiền đã giải ngân là 20.100.000.000đồng (hai mươi tỷ một trăm triệu đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, các đương sự đều xác nhận tính đến ngày xét xử (22/02/2024), **công ty Đ1** đã thanh toán cho **ngân hàng E** số tiền 13.777.863.635đồng, trong đó nợ gốc: 8.601.1000.000đồng, lãi 5.176.763.635 đồng.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCP X cho rằng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu **Công ty Đ1** và chủ tài bảo đảm trả nợ nhưng **Công ty Đ1** vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **ngân hàng E** nên **Công ty Đ1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Phía **Công ty Đ1** cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng vì khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh nên công ty mất khả năng trả nợ cho ngân hàng. Tuy

nhiên Công ty vẫn luôn hợp tác và nhiều lần có ý kiến đề xuất phương án trả nợ nhưng phía ngân hàng không có ý kiến phản hồi cho Công ty. Do đó, công ty Cổ phần Đ1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng E. Đề nghị Toà án xem xét lại việc ngân hàng khởi kiện Công ty Đ1 khi công ty đã làm việc với Ngân hàng từ năm 2015 để yêu cầu đánh giá giá trị tài sản để xử lý nợ nhưng ngân hàng không có ý kiến phản hồi, dẫn đến việc một số tài sản là máy móc thiết bị xuống cấp theo thời gian so với thời điểm Công ty Đ1 xin đánh giá giá trị để thực hiện thanh toán cho Ngân hàng dẫn đến ảnh hưởng tới giá trị thu hồi vốn. Bên cạnh đó việc ngân hàng không phản hồi ý kiến xin đánh giá tài sản thế chấp để trả nợ và vẫn tính lãi từ thời điểm Công ty có ý kiến đề nghị đánh giá tài sản để trả nợ là không đúng.

[2.4]. Về thời hạn trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết được nguyên đơn và bị đơn xác nhận đã hết nhưng Công ty Cổ phần Đ1 chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Hơn nữa, quá trình thực hiện hợp đồng các bên đã làm việc với nhau để tìm giải pháp xử lý khoản nợ nhưng không đưa ra được giải pháp thống nhất để xử lý các khoản nợ. Vì vậy, phía ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty Đ1 phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi là đúng như thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng.

[2.5]. Về khoản nợ gốc, nợ lãi:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất về việc Công ty Đ1 đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP X số tiền 13.777.863.635 đồng (trong đó nợ gốc: 8.601.1000.000 đồng, lãi 5.176.763.635 đồng). Tuy nhiên, hết thời hạn trả nợ phía Công ty Đ1 không trả hết nợ như đã thoả thuận cho ngân hàng. Căn cứ khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 Quyết định số 1627/2001/QĐ- NHNN có quy định: “Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ; việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thoả thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”. Như vậy, việc Ngân hàng E chuyển sang nợ quá hạn là đúng quy định pháp luật.

Công ty Đ1 cho rằng từ năm 2015 đã có văn bản đề nghị ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo nhưng ngân hàng không xử lý nên Công ty Đ1 không đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của ngân hàng E. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng theo các văn bản của ngân hàng E thì từ năm 2015, phía ngân hàng đã tạo điều kiện để cho Công ty Đ1 giải chấp một số tài sản nhằm thu hồi nợ và tại hợp đồng thế chấp đều thể hiện ngân hàng có quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, nhưng không quy định việc ngân hàng bắt buộc phải xử lý tài sản để thu hồi nợ. Mặt khác, hiện nay ngân hàng E yêu cầu Công ty Đ1 trả lãi trong hạn và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là phù hợp với quy định tại Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp Luật về lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán

Toà án nhân dân Tối cao. Do đó, của ngân hàng E yêu cầu công ty Đ1 nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở.

[2.6] .Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản thấy rằng các tài sản còn thế chấp tại ngân hàng gồm:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do UBND quận C, Tp . cấp ngày 11/08/2003 đứng tên bà Hà Thị Thu H. Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00199/EIBV – TD/BĐTS/10 ngày 19/07/2010, công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội, số công chứng 002136, quyền số 22, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C ngày 21/07/2010. Tài sản trên là tài sản của bà Hà Thị Thu H dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X, theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010, khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011.

- Hai (02) máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD và số 0114 XMCD biển số 38XA – 0042 do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 04/05/2009 đứng tên Công ty Đ1.

- Dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty Đ1.

- Ba (03) máy móc gồm: Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ 37161859, công suất 305KW theo GCN đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, số 0119 XMCD và số 0121 XMCD do sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 27/07/2008.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định trường hợp Công ty cổ phần Đ1 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân H4 có quyền yêu cầu phát mãi các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo thoả thuận giữa các bên tại hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản, tài sản nào thế chấp cho nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng nào thì xử lý tài sản đó theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ Luật dân sự 2005 là có cơ sở. Mặt khác, cấp sơ thẩm cũng nhận định trong số tài sản thế chấp thì Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do UBND là tài sản của bà Hà Thị Thu H dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X, theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010, khoản vay tại

Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011. Trường hợp nếu Công ty Đ1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ nghĩa vụ trả nợ cho 03 hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu giá trị tài sản thế chấp lớn hơn nghĩa vụ trả nợ tại 03 hợp đồng tín dụng nêu trên thì giá trị còn lại thuộc sở hữu của bà H là phù hợp.

Đối với máy đào bánh xích, hiệu HITACHI mang biển số 38XA-0041 đã bị chiếm đoạt nên Công ty không cung cấp được địa chỉ và tại phiên toà bị đơn đề nghị HĐXX giải quyết tranh chấp liên quan đến trách nhiệm của người chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định khi thế chấp tài sản thì bên thế chấp phải có nghĩa vụ bảo quản tài sản, việc tài sản bị chiếm đoạt cơ quan chức năng điều tra làm rõ, Công ty cổ phần Đ1 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Trong vụ án này, Công ty Đ1 và Ngân hàng có quyền thoả thuận với nhau nếu không thoả thuận được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án thực hiện phát mại tài sản theo quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X là có căn cứ. Do đó không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hà Thị Thu H người đại diện của Công ty cổ phần Đ1.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty cổ phần Đ1 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP X 3.000.000 đồng v v là số tiền chi phí xem xét, thẩm định mà Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố Tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Hà Thị Thu H người đại diện của Công ty cổ phần Đ1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/KDTM - ST ngày 22-3-2024 của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 317, 318, 319, 320, 321, , 322, 323, Điều 342, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 351, Điều 355, các điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm; Án lệ số 11/2017/AL về công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một

số quy định của pháp Luật về lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP X**.

Buộc **Công ty cổ phần Đ1** phải trả cho **Ngân hàng TMCP X** số tiền tính đến ngày xét xử (ngày 22 tháng 03 năm 2024) là **43.455.205.638 đồng** (nợ gốc: 11.498.900.000 đồng, lãi trên nợ gốc trong hạn: 4.127.633.448 đồng, lãi trên nợ gốc quá hạn: 27.828.672.190 đồng)

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22 tháng 03 năm 2024) cho đến khi thi hành án xong, **Công ty cổ phần Đ1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

2. Về xử lý tài sản chế chấp: Trường hợp **Công ty Đ1** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì phát mãi các tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ cho **E**:

+ Hai (02) máy đào bánh xích nhãn hiệu HITACHI do Nhật Bản sản xuất theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD và số 0114 XMCD do **Sở Giao thông vận tải tỉnh H** cấp ngày 04/05/2009 đứng tên **Công ty CP Đ1** theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00140/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 07/05/2009; dây chuyền nghiền sàng đá xây dựng công suất 250T/h (gồm 19 hạng mục) theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0036288 giữa **Công ty TNHH T3** và **Công ty Đ1** theo Hợp đồng thế chấp số 000197/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 08/09/2009; ba (03) máy móc gồm: Một (01) Máy đào bánh xích, hiệu HITACHI, mang biển số 38XA-0045, số khung 166-5654, số động cơ 6RB1-508789, công suất 206KW; Một (01) máy đào bánh xích, hiệu CATERPILLAR, mang biển số 38XA-0046, số khung 7RK00153, số động cơ 10Z26410, công suất 213KW; Một (01) máy xúc lật bánh lốp, hiệu KAWASAKI, mang biển số 38LA-0046, số khung 11C3-5302, số động cơ 37161859, công suất 305KW theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0120 XMCD, 0119 XMCD và 0121 XMCD do **sở giao thông vận tải tỉnh H** cấp ngày 27/07/2008 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00176/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 28/07/2009.

+ Đối với Quyền sử dụng đất (thửa số 80 (18), tờ bản đồ số 28) và tài sản gắn liền với đất tại **số nhà B tổ B, phố P, phường N, quận C, Hà Nội** theo GCN QSDĐ số 10113012703, hồ sơ gốc số 1169915/QĐ-UB/2003 do **UBND quận C**,

Tp. cấp ngày 11/08/2003 đứng tên bà Hà Thị Thu H. Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00199/EIBV – TD/BĐTS/10 ngày 19/07/2010, công chứng tại Văn phòng C2, thành phố Hà Nội, số công chứng 002136, quyển số 22, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C ngày 21/07/2010. Tài sản trên là tài sản của bà Hà Thị Thu H dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ1 tại Ngân hàng TMCP X, theo Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201001194 ngày 25/11/2010, khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201000775 ngày 09/09/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1602-LAV-201101372 ngày 29/08/2011.

Công ty cổ phần Đ1, bà Hà Thị Thu H được ưu tiên mua tài sản phát mại trên nếu có nhu cầu.

+ Đối với máy đào bánh xích, hiệu HITACHI mang biển số 38XA-0041 có theo giấy chứng nhận đăng ký máy chuyên dùng số 0113 XMCD, Công ty cổ phần Đ1 phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản. Trường hợp công ty cổ phần Đ1 và Ngân hàng không thoả thuận được thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thực hiện phát mại tài sản theo quy định.

Nếu phát mại các tài sản bảo đảm trên không thu hồi đủ nợ thì Công ty cổ phần Đ1 có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho E đến khi trả nợ xong.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc Công ty cổ phần Đ1 phải trả lại cho Ngân hàng TMCP X 3.000.000 đồng là số tiền chi phí xem xét, thẩm định mà Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí:

+ Buộc Công ty cổ phần Đ1 phải nộp 151.271.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu hai trăm bảy một nghìn đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty cổ phần Đ1 đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005560 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Nay còn phải nộp số tiền còn lại 151.271.000 đồng.

+ Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 72.512.221 đồng (Bằng chữ: bảy mươi hai triệu năm trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi một đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005376 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

“Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND, VKSND, Chi cục THA.DS sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Minh Thư Hồ Đức Q

Nguyễn Thị Thương H3

